

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TỒNG BẠT



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

“Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 - Chương trình GDPT-2018”.

(Bộ sách kết nối tri thức)

Tên Tác giả : Cao Thị Hoàn

Đơn vị công tác : Trường Tiểu học Tồng Bạt

Chức vụ : Giáo viên

NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN I : ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.

Ở bậc Tiểu học, Tiếng Việt là một trong những môn học cần thiết và vô cùng quan trọng. Môn Toán giúp học sinh phát triển tư duy logic còn môn Tiếng Việt sẽ giúp các em phát triển tư duy ngôn ngữ. Ở lớp 4, việc dạy Luyện từ và câu trong môn Tiếng Việt chính là dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên và gần gũi với đời sống. Hằng ngày, việc giao tiếp với thầy cô, bạn bè, với mọi người giúp bổ sung thêm những gì bị thiếu hụt và phát triển vốn ngôn ngữ của học sinh..

Với vai trò vị trí của nội dung Luyện từ và câu trong môn Tiếng Việt, tôi nghĩ rằng: Đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và nâng cao hiệu quả giảng dạy Luyện từ và câu là một vấn đề quan trọng. Song, để có được kết quả học tập tốt, trong quá trình dạy học, giáo viên phải tạo được cho học sinh hứng thú học tập. Khi học sinh có hứng thú học tập thực sự, các em sẽ học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo hơn.

Năm học 2023-2024 là năm đầu tiên lớp 4 thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Chương trình Tiếng Việt lớp 4 với mục tiêu là dạy và học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, hình thành và phát triển cho học sinh kỹ năng sử dụng tiếng Việt đầy đủ cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Cung cấp cho học sinh một số kiến thức sơ giản về Tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên về con người, về văn hóa, văn học của Việt Nam và nước ngoài. Bồi dưỡng cho học sinh tình yêu Tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt. Đồng thời góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện tốt mục tiêu về đổi mới GD&ĐT theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, mỗi giáo viên cần có nhận thức đúng đắn về bản chất của đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đứng trước yêu cầu về mục tiêu đổi mới giáo dục Chương trình GDPT - 2018, với quan điểm giáo viên cần phải thay đổi cách nghĩ, cách làm, phải có sự chuyển đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, mỗi giáo viên phải mạnh dạn đưa ra một số những phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực của học sinh. Mỗi học sinh phải tích cực, chủ động trong việc lĩnh hội, tiếp thu kiến thức. Khi học sinh tự phát hiện và giải quyết vấn đề sẽ giúp các em vận dụng và nhớ lâu nội dung kiến thức mà mình lĩnh hội được.

Phương pháp dạy học Tiếng Việt có nhiệm vụ góp phần hình thành cho học sinh phương pháp tự học và khả năng tư duy ngôn ngữ. Từ đó, học sinh thêm hứng thú, tự tin trong học tập, coi việc học là nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Điều đó thúc đẩy quá trình hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, đặc biệt là *năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ*.

Là giáo viên dạy lớp 4, tôi luôn tìm tòi, suy nghĩ để thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, khơi gợi hứng thú của các em, từ đó phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho học sinh. Chính vì lí do đó, tôi chọn nội dung: “***Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 Chương trình GDPT-2018***”.

2. Mục đích nghiên cứu.

Tìm hiểu một số nguyên nhân kết quả dạy- học Luyện từ và câu ở lớp 4 chưa cao, dạy học vẫn theo các lối mòn cũ, chưa phát huy được tính tích cực cho học sinh. Đồng thời đưa ra một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 Chương trình GDPT-2018. Từ đó, tích cực đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo phương hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, tăng cường hoạt động cá nhân phối hợp với học tập theo nhóm hoặc cả lớp. Hình thành và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực bản thân.

3. Thời gian, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2024.

- **Đối tượng nghiên cứu:** Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 - Chương trình GDPT 2018.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Môn Tiếng Việt lớp 4 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; học sinh lớp 4A2 – Trường Tiểu học Tòng Bạt, năm học 2023 - 2024

PHẦN II : NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng của vấn đề.

a. Thuận lợi

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tổ chức tập huấn cho giáo viên khối lớp 4 để giới thiệu tổng thể về chương trình GDPT 2018 và giới thiệu chương trình lớp 4 năm học 2023-2024 theo chương trình GDPT 2018 - Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Hầu hết các giáo viên đều nhiệt tình, năng động, tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn vững vàng. Giáo viên tích cực, chủ động trong việc tự bồi dưỡng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, 100% giáo viên dạy lớp 4 được tập huấn đầy đủ nội dung chương trình sách giáo khoa bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Bộ sách có nội dung phong phú, trình bày rõ ràng, khoa học phù hợp với học sinh lớp 4. Chủ đề giáo dục học sinh gần gũi, giáo dục về tình yêu thương bạn bè, gia đình, ông bà, cha mẹ, thầy cô, quê hương đất nước.... Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học lớp 4 theo chương trình giáo dục 2018. Phụ huynh học sinh quan tâm và ủng hộ việc thực hiện chương trình giáo dục mới.

b. Khó khăn.

Năm học này là năm đầu tiên lớp 4 thực hiện dạy - học theo chương trình GDPT 2018 nên có một số giáo viên còn lúng túng trong khâu lựa chọn, vận dụng phương pháp dạy học. Một số giáo viên vẫn dạy theo lối mòn cũ, giờ học Tiếng Việt chưa lôi cuốn, chưa tạo hứng thú cho học sinh khi tiếp thu kiến thức. Khả năng nhận thức của học sinh trong lớp khác nhau nên việc tiếp thu kiến thức không đồng đều, một số em tiếp thu bài chưa nhanh. Trong giờ học, có học sinh không tập trung, thậm chí còn làm việc riêng, không hứng thú học. Một số học sinh còn thụ động trong việc chuẩn bị bài ở nhà, nhút nhát khi tham gia hoạt động nhóm, nói nhỏ, thiếu tự tin trong giao tiếp và bày tỏ ý kiến riêng. Chính vì ngại học, không hứng thú học nên học sinh chưa tích cực tham gia các hoạt động học tập, thể hiện qua một số dấu hiệu sau:

+ Học sinh ít giơ tay phát biểu, không mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình về các vấn đề giáo viên nêu ra. Nếu được hỏi, các em hay lệ thuộc vào sách giáo khoa, không tư duy, suy nghĩ. Không thắc mắc hay đưa ra ý kiến để giáo viên phải giải thích rõ hơn về những vấn đề mà mình chưa hiểu rõ.

Tất cả những lí do trên dẫn đến chất lượng học tập môn Tiếng Việt chưa cao. Sau hai tuần thực dạy, đây là kết quả khảo sát của lớp tôi trong thời gian đầu năm học:

(MINH CHỨNG KÈM THEO-BẢNG 1)

Vậy phải làm như thế nào, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học ra sao để tất cả các em trong lớp đều hứng thú và có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động học tập? Nhất là trong giai đoạn hiện nay, với nội dung mới của sách giáo khoa, với yêu cầu đổi mới của phương pháp dạy học mới là tích cực hóa hoạt động của người học để mỗi học sinh đều được hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và phát triển. Sau đây tôi xin nêu những việc mình đã làm để các bạn tham khảo.

2. Các giải pháp thực hiện.

Giải pháp 1: Nắm vững nội dung, mục tiêu, yêu cầu bài học để thiết kế bài giảng phù hợp, sáng tạo.

** Nắm vững yêu cầu khi thiết kế kế hoạch bài dạy*

Năm học này là năm học đầu tiên học sinh lớp 4 tiếp cận với chương trình GDPT mới 2018. Hệ thống bài học trong sách được thiết kế theo trục Chủ đề, chủ điểm nhằm bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng sống và các phẩm chất cho học sinh. Vì thế, trước khi lên lớp, tôi đã nghiên cứu để thiết kế Kế hoạch bài dạy theo tinh thần đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học, với định hướng “dạy học là tổ chức cho học sinh hoạt động để tự tiếp thu tri thức và phát triển năng lực”. Thiết kế bài dạy thực chất là xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động học cho học sinh. Đó là những hoạt động học mà học sinh cần và có thể thực hiện được trong mỗi tiết học.

Khi thiết kế bài dạy, tôi lựa chọn, xây dựng các hoạt động học tập làm sao để phát huy vốn kinh nghiệm, vốn kiến thức sẵn có, những điều gần gũi trong cuộc sống của các em. Điều này, giúp các em tham gia hoạt động học một cách nhẹ nhàng, hứng thú và tích cực. Bởi, lúc đó học sinh được chủ động tự tìm tòi, phát hiện, khám phá, hình thành kiến thức, tôi chỉ là người hướng dẫn các em tham gia hoạt động học tập. Cấu trúc một bài dạy gồm các hoạt động:

Khởi động:

Hoạt động khởi động chỉ chiếm ít phút đầu giờ, có tính chất mở đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kích hoạt sự tích cực của học sinh. Trong tiết học, giáo viên sẽ tạo được sự yêu thích của học sinh nếu ngay từ những giây phút đầu tiên thầy, cô biết khơi gợi ở các em hứng thú, niềm say mê đối với bài học. Khi có hứng thú học tập, học sinh thấy thoải mái, dễ chịu để tham gia các hoạt động

học tập, từ đó các em sẽ tích cực để chiếm lĩnh tri thức. Hoạt động khởi động bài học được sử dụng bằng cách đưa ra tình huống có vấn đề liên quan đến bài học (hoặc kết nối bài cũ - bài mới), trò chơi vận động, vận động nhẹ nhàng theo video bài hát, bài tập thể dục...

Ví dụ: Trong các tiết học, phần khởi động, tôi cho các con đứng dậy, vận động một bài hát hay bài nhạc vui nhộn.



Khám phá, hình thành kiến thức mới:

Ở hoạt động này, tôi chỉ là người tổ chức, hướng dẫn để học sinh tự tìm tòi, khám phá, chiếm lĩnh kiến thức. Các em chủ động, tích cực học tập, hợp tác với thầy cô, bạn bè để kiến tạo kiến thức. Khi tổ chức cho học sinh trải nghiệm, tôi luôn chú ý cho học sinh làm việc cá nhân, nhóm hoặc cả lớp; ưu tiên thời lượng thích hợp cho làm việc cá nhân; quan tâm đến số học sinh ít hoạt động khi tổ chức làm việc, thảo luận trong nhóm và cả lớp. Tôi quan sát (nghe, nhìn) kỹ hoạt động của học sinh để có thể điều chỉnh, trợ giúp kịp thời.

Trong tất cả các bài học đều có quá trình trải nghiệm và học sinh tự mình phân tích, cùng phân tích khám phá và rút ra được kiến thức theo yêu cầu của hoạt động. Học sinh được nghe nhận xét, đánh giá về kết quả bài làm của mình, được tư vấn, hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ. Tôi có thể kết luận lại vấn đề sau khi học sinh nêu ý kiến nhận xét.

Luyện tập, thực hành:

Hoạt động này để kết nối mạch kiến thức vừa khám phá với việc luyện tập đơn giản. Tôi tổ chức cho học sinh giải quyết các nhiệm vụ hay các bài tập để các

em khắc sâu kiến thức đã khám phá hay phát triển kiến thức đó trở thành kiến thức mới; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Tổ chức cho học sinh thực hành các bài tập vận dụng kiến thức đã học, có thể vận dụng thực hành các bài tập trong sách giáo khoa, bài tập tình huống. Khi tổ chức cho học sinh thực hành, tôi luôn quan tâm đến tất cả các đối tượng học sinh, đặc biệt với những em tiếp thu bài còn chậm.

Vận dụng, trải nghiệm: Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết các vấn đề thực tế đơn giản xung quanh trong cuộc sống. Đây là một nội dung tôi rất quan tâm và đưa vào kế hoạch, kiểm tra sau khi học sinh tiếp cận nội dung kiến thức và luyện tập thực hành. Đảm bảo tất cả học sinh đã thực hiện bài tập vận dụng do cô giao (trừ vấn đề không thể vận dụng). Vấn đề vận dụng có thể ngay trong lớp học, trong trường hoặc ở gia đình hay nơi công cộng. Các nội dung ở gia đình, nơi công cộng (có thể được trợ giúp và hướng dẫn của người khác) được các em ghi lại, trao đổi lại vào tiết sau cho cô và các bạn cùng nghe.

*** *Thiết kế bài giảng khoa học, sáng tạo***

Một trong những định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực là ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Cách làm này sẽ giúp học sinh nhớ lâu hơn, giờ dạy của giáo viên nhẹ nhàng mà hiệu quả, không khí học tập hào hứng, sôi nổi, thu hút học sinh.

Tôi dành thời gian nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên để chọn lọc những kiến thức trọng tâm cần dạy trong từng tiết học. Với tôi, thiết kế bài dạy không quan trọng là dài hay ngắn, tôi không chép lại những gì có trong sách giáo khoa mà tự mình xây dựng các hoạt động học cho học sinh, đó là những hoạt động học mà học sinh cần và có thể thực hiện được. Những hoạt động này được phát triển từ vốn kinh nghiệm, vốn kiến thức sẵn có của các em, những điều gần gũi trong cuộc sống hàng ngày. Chính nhờ điều đó, các em tham gia hoạt động học một cách nhẹ nhàng, hứng thú và hiệu quả.

Ngoài việc nắm vững kiến thức, xác định đúng mục tiêu và làm tốt công tác chuẩn bị, tôi còn xây dựng cho mình một kế hoạch thật hoàn hảo để khai thác bài được tốt. Tôi nghiên cứu, thiết kế các hoạt động học tập trước và trong tiết học để các em có động lực học tập. Tạo ra thử thách để thu hút sự tập trung, chú ý của học sinh ngay khi bắt đầu vào bài học bằng cách đặt các câu hỏi thú vị, đưa ra một vấn đề cần giải quyết gần gũi trong cuộc sống.

Giải pháp 2: Thúc đẩy động cơ học tập của học sinh

Động cơ học tập là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng, hiệu quả học tập của người học. Đối với học sinh lớp 4, động cơ học tập không có sẵn vì thế trong quá trình học tập và rèn luyện, giáo viên phải là người dẫn dắt hình thành động cơ học tập cho các em.

Động cơ học tập của học sinh được hình thành khi các em cảm thấy hứng thú đối với môn học và thấy được sự tiến bộ của mình. Vì vậy, tạo động cơ học tập đúng đắn, tích cực cho học sinh có tác động rất lớn đến kết quả của hoạt động giáo dục. Để thúc đẩy động cơ học tập nội dung Luyện từ và câu của học sinh, đầu tiên tôi phải tạo ra được môi trường học tập thân thiện giữa thầy và trò, để các em không có cảm giác áp lực, sợ hãi việc học Tiếng Việt. Tôi vừa là người hướng dẫn, vừa là người bạn giúp các em thoải mái, tự tin lĩnh hội kiến thức. Cùng với các em thực hành và khám phá nội dung bài học. Học sinh nhút nhát, thiếu tự tin trong các hoạt động nếu giáo viên không khéo léo trong giao tiếp, ứng xử. Lời nhận xét, đánh giá học sinh trong quá trình tham gia hoạt động học tập cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc thúc đẩy động cơ học tập của học sinh. Chắc chắn các em muốn học với những thầy, cô ân cần, nhẹ nhàng nhắc nhở chỉ bảo chứ không phải với giáo viên hay quát nạt, trách mắng khi các em làm sai. Lời nhận xét, đánh giá khéo léo sẽ đưa đến kết quả tốt và ngược lại.

Muốn các em thấy được sự tiến bộ trong học tập, tôi phải chú ý đến tính vừa sức, không đưa ra những yêu cầu quá cao đối với học sinh. Nếu các em trả lời chưa đúng, tôi không ngắt lời các em mà để học sinh trả lời xong rồi mới khích lệ các em cố gắng hơn. Sau đó, gọi học sinh khác nhận xét và sửa lỗi cho bạn hoặc tôi sửa lỗi một cách khéo léo để tránh làm tổn thương học sinh hay khiến các em mất hứng thú học tập.

Ngoài việc tổ chức các hình thức dạy học phong phú lôi cuốn học sinh vào những hoạt động trên lớp như hoạt động nhóm, hoạt động theo cặp đôi, hoạt động đóng vai; tôi thường xuyên khích lệ, động viên các em trong học tập bằng những cách thức khác nhau. Tôi có thư khen theo tuần, tháng, đăng lên nhóm zalo của lớp để phụ huynh cùng xem và động viên các em phấn đấu. Thiết kế thư khen: con tích cực học tập, con đọc tốt, con viết đẹp.... ghi tên, dán ảnh các em.

Ví dụ: Đây là mẫu thư khen tôi đã làm để khen tặng học sinh:



Ngoài thư khen thì trong mỗi tiết học, tôi đều tổ chức các hoạt động thi đua để học sinh hăng hái, hứng thú xây dựng bài hơn. Cuối tiết học tổng kết, nếu tổ nào được nhiều ngôi sao hơn, tổ đó sẽ giành chiến thắng. Mỗi bạn trong tổ sẽ dành được 1 sticker để cuối tuần các con được đổi quà.

Học sinh lớp 4 khá hiếu động, các em thường mất tập trung giờ học. Vì vậy, tôi phải tạo ra những tình huống để kích thích sự tập trung chú ý của học sinh, giúp các em quên đi sự mệt mỏi, nhàm chán trong giờ học. Tôi chủ động tổ chức, hướng dẫn cho học sinh vận dụng kiến thức vào các tình huống và thực tế cuộc sống. Tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng trải nghiệm cho học sinh sau mỗi giờ học.

Tôi luôn thân thiện, gần gũi với học sinh để tạo không khí thoải mái trước khi vào giờ học. Tôi luôn nở nụ cười, nét mặt vui vẻ, không quát mắng, gắt gỏng các em khi các em đọc, viết bài chậm, tôi chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở em. Hằng ngày tôi đến lớp sớm để đón các em vào lớp, động viên mỗi khi các em có sự thay đổi nhỏ. Với những học sinh có tính hay nhút nhát, tôi chủ động xuống chỗ ngồi của các em hỏi các em chuyện về gia đình, về chuyện học hành hay một vấn đề nào đó mà các em yêu thích để các em cảm thấy gần gũi với cô giáo. Từ việc tìm hiểu về suy nghĩ, tình cảm của các em đã giúp tôi có những biện pháp tác động phù hợp với từng đối tượng học sinh, tạo cho các em sự tự tin, hứng thú trong học tập. Nhờ đó, các em ngày càng hăng hái và tích cực khi tham gia các hoạt động.

Trong giờ học, nếu học sinh trả lời hay làm sai bài tập, tôi luôn cố gắng giải thích, giúp đỡ và hướng dẫn các em cách sửa chữa. Tôi luôn khích lệ và động viên các em kịp thời, khen ngợi những cố gắng, tiến bộ của các em. Tôi luôn tìm ra ưu điểm nhỏ nhất để khen ngợi, động viên học sinh. Khi giảng bài, tôi luôn thể hiện

cho các em thấy tình cảm yêu thương của một giáo viên đối với học trò, giải thích tỉ mỉ, cặn kẽ giúp các em hiểu bài. Điều này làm cho học sinh tích cực, hứng thú và ham thích học tập hơn.

Giải pháp 3: Sử dụng phương pháp trò chơi học tập.

Muốn tạo hứng thú trong học tập cho học sinh thì việc tổ chức trò chơi trong mỗi tiết Tiếng Việt là rất cần thiết. Song, để tổ chức trò chơi trong mỗi tiết học đạt hiệu quả, tôi phải nghiên cứu, tìm hiểu xem thông qua trò chơi học sinh nắm bắt hoặc củng cố nội dung kiến thức nào. Từ đó, tôi xác định mục tiêu của trò chơi, xây dựng luật chơi, thời gian chơi. Trong giờ học, tôi có thể cho học sinh chơi trò chơi ở các hoạt động khác nhau, tùy theo nội dung của bài học.

Mục đích của giải pháp này là giúp học sinh hệ thống hóa và khắc sâu kiến thức được học, biết vận dụng vào từng trường hợp cụ thể. Tạo môi trường để rèn cho học sinh sự linh hoạt, sáng tạo, có phản ứng nhanh và mạnh dạn trước tập thể. Thông qua trò chơi tạo không khí thi đua sôi nổi trong mỗi tiết học, làm cho tiết học nhẹ nhàng và sôi nổi đem lại kết quả tốt. Vậy thế nào là trò chơi học tập? Tổ chức trò chơi khi dạy học vào lúc nào để đạt hiệu quả?

Vì trong tiết Tiếng Việt nội dung chủ yếu là luyện tập, thực hành nên hình thức tổ chức luôn phải lôi cuốn, hấp dẫn và tạo hứng thú cho học sinh. Tổ chức các hoạt động Luyện tập thông qua trò chơi giúp các em ghi nhớ kiến thức một cách nhẹ nhàng, đảm bảo học sinh được “*Học mà chơi, chơi mà học*”. Đây là một trong những cách giúp các em ghi nhớ kiến thức và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống dễ dàng nhất.

Ví dụ: Khi dạy bài “ *Danh từ*” – Tiếng Việt 4, tập 1- trang 9 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống. Tôi cho học sinh tham gia trò chơi “Ai thông minh nhất”, yêu cầu các em thi tìm nhanh, đúng các danh từ chỉ người, vật...

Tôi chiếu trò chơi lên màn hình.

+ Giới thiệu tên trò chơi.

+ Nêu cách chơi và luật chơi để học sinh nắm được.

+ Cho học sinh chơi trò chơi: Tôi chiếu nội dung các câu hỏi trong trò chơi, học sinh giơ tay thật nhanh để nêu đáp án. Em nào trả lời đúng sẽ nhận được một phần quà. Em nào lời chưa đúng sẽ phải nhường cơ hội cho bạn khác.

+ Tôi gọi học sinh khác đánh giá và bình chọn người thắng cuộc.

+ Tôi tổng kết trò chơi, tuyên dương những học sinh thắng cuộc, động viên học sinh trả lời chưa đúng đáp án. Chốt kiến thức của bài.



Thực tế giảng dạy, tôi thấy đa số học sinh rất thích được tham gia trò chơi học tập. Hơn thế nữa, từ hoạt động của học sinh thể hiện qua tiết học có trò chơi sẽ làm cho học sinh thêm yêu thích môn học. Trò chơi giúp học sinh phát triển năng lực một cách tự nhiên. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động trong trò chơi, học sinh được trao đổi, tương tác với nhau, từ đó các em tiếp thu kiến thức một cách dễ dàng và tự nhiên hơn.

Giải pháp 4: Sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học trong tiết Luyện từ và câu theo hướng đổi mới.

**** Vận dụng linh hoạt phương pháp, hình thức dạy học***

Dạy học theo mục tiêu đổi mới giáo dục hiện nay là dạy cách học cho học sinh, khuyến khích các em tự tìm tòi, khám phá, phát hiện kiến thức mới. Vì thế, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học, tôi thiết kế các hoạt động dạy học nhằm tổ chức cho học sinh chủ động tham gia, thực hiện nhiệm vụ học tập, hướng dẫn các em tìm tòi, phát hiện, tự chiếm lĩnh kiến thức. Tôi không để học sinh nhìn vào sách giáo khoa đọc kết quả hay nêu câu trả lời. Tôi hướng dẫn học sinh sử dụng vốn hiểu biết của mình để tìm hiểu, khám phá, hình thành kiến thức mới một cách nhẹ nhàng, hướng dẫn các em thực hiện hoạt động học tập theo cách riêng của mình. Với cách làm này, các em được phát huy năng lực và khả năng sáng tạo của bản thân.

Trong dạy học có rất nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau. Vì thế, tôi đã phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp và hình thức dạy học như: học cá nhân, học theo nhóm. Đặc biệt, hướng các em học tập - trải nghiệm, từ đó hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

Bởi vậy, giáo viên cần khai thác triệt để sức mạnh của phương pháp dạy học luyện tập theo mẫu, phương pháp phân tích ngôn ngữ, phương pháp thực hành

giao tiếp.

- Phương pháp phân tích ngôn ngữ

Yêu cầu phân tích ngôn ngữ đối với học sinh Tiểu học chỉ ở mức độ đơn giản, với sự giúp đỡ, gợi ý, hướng dẫn tỉ mỉ của giáo viên. Bởi vậy phương pháp này được áp dụng để dạy học dấu câu nhằm giúp học sinh làm rõ cấu trúc các kiểu đơn vị được học trong chương trình.

Ví dụ: Khi dạy bài “ **Câu**” – Tiếng Việt 4, tập 2, trang 9:

Bài tập 3:

Sắp xếp các từ ngữ dưới đây thành câu. Viết câu vào vở.

a. chữa bệnh/ ông/ cứu người/ để

b. khám bệnh/ miễn phí/ ông/ cho ai

c. phải tập thể dục/ cháu/ nhé/ thường xuyên

d. lắm/ ông ấy/ thương người

Với bài tập này, tôi hướng dẫn học sinh dựa vào kiến thức về câu ở bài tập 1, kết hợp đọc lướt từng phần a-b-c-d, lựa chọn, sắp xếp các từ ngữ thành câu.

Khi đã xác định thứ tự các từ ngữ trong mỗi câu, học sinh sẽ viết lại từng câu theo đúng yêu cầu: Chữ cái của tiếng đầu câu viết hoa, cuối câu ghi dấu câu phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Ông chữa bệnh để cứu người.

b. Ông khám bệnh miễn phí cho ai?

c. Cháu phải tập thể dục thường xuyên nhé!

d. Ông ấy thương người lắm.

Với bài tập đó, tôi cũng có thể chuyển thành bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn để học sinh lựa chọn, để học sinh thực hiện.

- Phương pháp thực hành giao tiếp

Với phương pháp này không chỉ hướng học sinh vận dụng lí thuyết được học vào thực hiện các nhiệm vụ của quá trình giao tiếp mà còn là phương pháp cung cấp lí thuyết cho học sinh, giúp các em vận dụng thực hành tốt hơn.

Ví dụ: Khi dạy xong bài **Hai thành phần chính của câu- Tiếng Việt, tập 2, trang 18**, tôi cho học sinh làm việc theo nhóm 2 - 4 để các em tập nói câu có đủ hai thành phần chính, giới thiệu về gia đình mình. Sau khi thảo luận xong, các em trong nhóm có thể tự giới thiệu về công việc của bố mẹ, anh chị, ông, bà của mình. Làm như vậy sẽ tạo sự hào hứng trong giờ học và giúp các em hiểu nhau hơn.

- Về hình thức:

Tôi hướng dẫn học sinh tự tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, nhóm, lớp... Khi giảng dạy, tôi kết hợp các hình thức tổ chức dạy học tích cực như: dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cộng đồng, thảo luận, đóng vai, trò chơi để tạo cơ hội cho các em được giao tiếp với nhiều học sinh trong lớp.

Trong hoạt động luyện tập, tôi tiến hành như sau: Thay vì gọi một số học sinh lên làm bài trước lớp, còn số học sinh còn lại ngồi theo dõi bạn làm thì tôi cho học sinh tổ chức làm việc nhóm, các bạn trong nhóm sẽ nhận xét, sửa sai cho nhau, thảo luận tìm ra cách làm phù hợp. Có điều gì còn thắc mắc, trưởng nhóm sẽ báo cáo trước lớp, các thành viên khác hoặc giáo viên cùng nhau giải quyết vấn đề. Nếu học sinh trong nhóm chưa hiểu, chưa thống nhất được đáp án thì báo cáo trước lớp, các bạn khác cùng giáo viên sẽ hỗ trợ giải quyết vấn đề.

Hay trong các hoạt động luyện tập, thực hành: Thay việc trước đây giáo viên nêu lần lượt các bài tập, gọi học sinh làm bài, rất nhiều học sinh còn lại trong lớp hoặc là quan sát bạn trả làm, hoặc không tập trung thì tôi áp dụng cách: đưa ra nội dung bài tập đã xây dựng, thiết kế lại dựa trên nền tảng các câu hỏi trong sách giáo khoa để phù hợp với mọi đối tượng học sinh, yêu cầu các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả dưới sự điều khiển của một học sinh hoặc của giáo viên để tìm ra tri thức mới.

Với cách làm như vậy, tôi thấy tất cả học sinh trong lớp đều được hoạt động, vì vậy các em rất hứng thú tham gia vào thảo luận nhóm: làm, sửa sai cho bạn, phát hiện từ cần hiểu nghĩa, cách làm bài. Không chỉ những em có năng khiếu mà cả những em học chưa tốt trong từng nhóm cũng được chủ động tham gia, đều được rèn kĩ năng luyện tập, thực hành, kĩ năng giao tiếp, các em tự tin hơn, mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình.

Việc vận dụng phương pháp, hình thức dạy học tích cực để phát huy tích chủ động, sáng tạo, tích cực hóa hoạt động của học sinh trong các giờ học là rất quan trọng. Trong quá trình dạy học, học sinh là nhân vật trung tâm, được phát huy các phẩm chất nhận thức tích cực, chủ động để chiếm lĩnh kiến thức dưới sự hướng dẫn, tổ chức, điều khiển của giáo viên. Vì vậy, tôi không truyền đạt kiến thức có sẵn mà thông qua hoạt động nêu vấn đề, giao nhiệm vụ cho học sinh, tổ chức các em trao đổi, thảo luận, là trọng tài phân xử đúng sai... để lôi cuốn học sinh tham gia tích cực vào giờ học. Các em tham gia vào hoạt động học tập một cách tự giác, hào

hứng. “*Tạo hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học*”, là góp phần “*phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất*” cho học sinh. Định hướng dạy học Luyện từ và câu là vận dụng một cách đa dạng các hình thức tổ chức với các phương pháp dạy học; chú trọng thực hành, ứng dụng, gắn kết kiến thức đã học với thực tế cuộc sống, với các môn học khác và các hoạt động giáo dục trong hay ngoài nhà trường; *chú trọng tổ chức hoạt động tự học (cá nhân, cặp, nhóm, cả lớp, ở nhà...)* cho học sinh. Đặc biệt hướng các em học tập - trải nghiệm, từ đó hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh. Tôi đã cho các em xem video về hình ảnh quê hương, đất nước để các em mở rộng vốn kiến thức, hiểu hơn về cuộc sống, làm giàu thêm vốn từ. Trong quá trình giảng dạy và giáo dục học sinh, tôi tuân thủ theo đúng nguyên tắc này và thấy rất hiệu quả, các em hào hứng, sáng tạo khi vận dụng kiến thức đã học.

Ví dụ: Bài “Luyện tập về động từ”- Tiếng Việt 4, tập 1- trang 57.

Khi hướng dẫn học sinh làm bài 3:

3. Sử dụng các động từ dưới đây để đặt câu phù hợp với tranh.



Tôi cho các em nhìn tranh, lựa chọn từ ngữ và đặt câu cho phù hợp, ghi câu đó ra vở. Tiếp theo cho học sinh trao đổi nhóm bàn, đọc cho nhau nghe, sửa chữa, trước khi trình bày với cả lớp.

Với cách làm như vậy, tôi thấy tất cả học sinh trong lớp đều được hoạt động, vì vậy các em rất hứng thú tham gia vào hoạt động thảo luận nhóm: làm bài, sửa sai cho bạn. Không chỉ những em có năng khiếu mà cả những em học chưa tốt trong từng nhóm cũng được chủ động tham gia, đều được rèn kỹ năng luyện tập thực hành, rèn kỹ năng giao tiếp tự tin hơn, mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình. Trong quá trình học tập, tôi nhắc học sinh cần chú ý lắng nghe, tham gia thảo luận và đóng góp tích cực vào bài học. Để làm được như vậy học sinh cần chủ động đọc bài, tìm hiểu trước nội dung bài học trong mỗi tiết học, buổi học.

*** Vận dụng linh hoạt một số kỹ thuật dạy học tích cực**

- Kỹ thuật động não

Đây là kỹ thuật dạy học nhằm giúp học sinh trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng sáng tạo, nhiều giả định về một vấn đề nào đó. Để thực

hiện, tôi đưa ra một hệ thống các thông tin mở đầu cho buổi thảo luận. Sau đó tiến hành theo trình tự:

Ví dụ: Viết 2 – 3 câu có sử dụng tính từ em vừa tìm được ở phần a. (**Bài 3 – phần b - “Luyện tập về tính từ”- Tiếng Việt 4, tập 1- trang 103**).

Những tính từ chỉ màu xanh có trong đoạn văn là gì?

Viết 2 – 3 câu có sử dụng tính từ em vừa tìm được.

Nêu câu hỏi cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm, khích lệ học sinh phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt. Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu đưa lên bảng, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp. Phân loại ý kiến, làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.

- Kỹ thuật mảnh ghép

Đây là cách tổ chức hoạt động hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ chung trong học tập. Sử dụng kỹ thuật này, sẽ kích thích sự tham gia tích cực của học sinh, nâng cao vai trò của mỗi học sinh trong quá trình hợp tác. Học sinh được tham gia hoạt động một cách tích cực (vì các em không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1 mà còn phải truyền đạt kết quả và hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2).

Vòng 1: Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được giao 1 nhiệm vụ

Ví dụ: Khi dạy bài “**Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ**”- **Tiếng Việt 4, tập 1- trang 133**. Với bài tập 4:

Viết 4 – 5 câu về chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng các từ:



Tôi cho các nhóm thảo luận theo nội dung 1 như sau:

Nhóm 1: Giấc mơ của em là gì?

Nhóm 2: Em thấy gì trong giấc mơ đó?

Nhóm 3: Kể về một số hình ảnh trong giấc mơ.

Nhóm 4: Trong đoạn văn đó, em đã sử dụng những danh từ, động từ hay tính từ nào?

Vòng 2: Hình thành nhóm mới (1 người từ nhóm 1, 1 người từ nhóm 2, 1 người từ nhóm 3, 1 người từ nhóm 4...) cùng thảo luận theo nội dung câu hỏi của vòng 1.

Sau khi chia sẻ thông tin vòng 1, tôi giao cho nhóm nhiệm vụ mới để các em tiếp tục giải quyết và trình bày kết quả nhiệm vụ ở vòng 2.

- Kỹ thuật “Khăn trải bàn”

Kỹ thuật này giúp tôi có thể tổ chức kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. Đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân và tinh thần hợp tác giữa các học sinh.

- Tôi tiến hành tổ chức qua 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Học sinh hoạt động độc lập: Các thành viên trong nhóm ngồi vào vị trí 4 góc của khăn trải bàn, tập trung tư duy vào câu hỏi (hoặc bài tập,...). Sau đó trình bày ý kiến của cá nhân vào ô quy định trong “khăn trải bàn” độc lập với các thành viên khác.

+ Giai đoạn 2: Học sinh hoạt động tương tác: thành viên trong nhóm chia sẻ và thảo luận các câu trả lời hay cách làm của bài tập. Nhóm cử ra một bạn viết ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn.

Sau khi từng học sinh trình bày cách làm của mình. Cả nhóm thảo luận, thống nhất cách làm đúng và thuận tiện nhất ghi vào khung giữa của khăn trải bàn, rồi chia sẻ trước lớp. Nhóm khác sẽ cùng tham gia chia sẻ, bổ sung với các nhóm.



Sau khi các nhóm làm việc và đưa ra ý kiến của nhóm mình, tôi chốt cách làm đúng nhất cho học sinh cả lớp.

- Kỹ thuật “ Hỏi chuyên gia”

Tôi cho học sinh xung phong (hoặc theo sự phân công của tôi), các em tạo thành các nhóm “chuyên gia” theo một chủ đề nhất định. Nhóm “chuyên gia” lên ngồi phía trên lớp học. Các “chuyên gia” nghiên cứu và thảo luận với nhau về những nội dung có liên quan đến chủ đề mình được phân công.

Một em trưởng nhóm ”chuyên gia” (hoặc giáo viên) sẽ điều khiển buổi “tư vấn”, mời các bạn học sinh trong lớp đặt câu hỏi rồi mời ”chuyên gia” giải đáp, trả lời.

Ví dụ: Dạy bài “Luyện tập về chữ ngữ”- Tiếng Việt 4, tập 1- trang 26.

Tôi đưa ra bài tập:

2. Tìm chủ ngữ thích hợp để hoàn thành câu. Viết các câu vào vở.

- a. ? thích giúp đỡ bạn bè trong lớp.
- b. ? nhảy nhót, chuyển từ cảnh này sang cảnh khác.
- c. ? thối vì vu.

Tôi mời nhóm “chuyên gia” lên làm việc, cử một em trưởng nhóm “chuyên gia” điều khiển buổi “tư vấn”, mời các bạn học sinh trong lớp đặt câu hỏi rồi mời “chuyên gia” giải đáp, trả lời:

- a. Cho biết sự vật được giới thiệu trong câu là ai (con gì? Cái gì?)...
- b. Cho biết sự vật được nêu hoạt động trong câu là ai (con gì? Cái gì?)...
- c. Cho biết sự vật được miêu tả, đặc điểm, trạng thái trong câu là ai (con gì? Cái gì?)...

Với cách làm này, học sinh hào hứng tham gia tích cực vào hoạt động khám phá kiến thức mới. Qua hoạt động này, góp phần rèn luyện cho học sinh các thao tác tư duy cơ bản như: phân tích, tổng hợp, dự đoán.... Quá trình học sinh tự học, tự thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh tri thức sẽ tạo điều kiện để các em phát triển kỹ năng sử dụng Tiếng Việt một cách hiệu quả nhất.

Giải pháp 5: Tích cực sử dụng đồ dùng dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Như chúng ta đã biết đồ dùng trực quan như: tranh ảnh, đồ vật, vật thật đều có tác dụng tạo hứng thú cho học sinh trong giờ học. Đồ dùng trực quan giúp cho việc dạy học cụ thể hơn, vì vậy tăng khả năng tiếp thu kiến thức về các sự vật, hiện tượng. Ở Tiểu học phần lớn các em rất tò mò, rất hứng thú với đồ dùng trực quan. Chính vì vậy tôi đã sử dụng đồ dùng trực quan vào bài dạy để thu hút học sinh.

Trong giờ dạy Tiếng Việt lớp 4 có phần đọc từ, đọc đoạn văn, dạng bài ôn tập và luyện từ và câu, tôi sẽ sử dụng vật thật và tranh minh họa câu chuyện để các em tập trung và nhớ bài học lâu hơn.

Trong khi cho học sinh tìm, ghi lại vào bảng nhóm. Tôi giúp học sinh khắc sâu và ghi nhớ những đồ dùng này bằng cách đưa cho học sinh quan sát trực tiếp: quyển sách giáo khoa, bút chì, bút mực, thước kẻ...

Những bài giảng được cung cấp bằng nhiều kênh hình, kênh chữ, âm thanh sống động làm cho học sinh dễ hiểu, dễ tiếp thu hơn.

Internet là một môi trường tương tác đa dạng với nhiều hình thức, một thư viện thông tin khổng lồ và là một nguồn tư liệu dạy học vô cùng phong phú. Tôi đã kết hợp các trang web dạy học vào bài giảng thông qua các liên kết trực tiếp

đền trang web đó hay tải về các tư liệu nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Do đó, việc khai thác và sử dụng hiệu quả Internet trong quá trình giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học là cực kì quan trọng. Khai thác hệ thống tư liệu thông qua mạng internet giúp tôi soạn bài đạt hiệu quả cao hơn. Các tư liệu đó gồm các văn bản, âm thanh, hình ảnh, bài hát, phim hoạt hình.

Hiện nay có rất nhiều trang web hỗ trợ đắc lực trong việc giảng dạy các môn học. Sách mềm cũng là sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin giúp tôi có thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy và học sinh, có thêm tư liệu để ôn luyện, hướng dẫn các em học bài.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị.

Trong quá trình giảng dạy, bản thân tôi đã vận dụng những phương pháp đổi mới và những phương pháp nêu ở trên vào dạy học Luyện từ và câu. Kết quả cho thấy bước đầu học sinh đã có những chuyển biến về tâm lý, khả năng nhận diện, tiếp thu kiến thức của các em tăng lên rõ rệt. Nhiều em đã mạnh dạn hơn trong các hoạt động giao tiếp hằng ngày, đọc sách, ứng dụng thực tế một cách linh hoạt. Do các em đã nắm bắt được cách học nên số lượng học sinh hiểu nghĩa từ sâu sắc tăng lên. Tỷ lệ học sinh dùng từ đúng và hay tăng lên rõ rệt, số học sinh dùng từ chưa chính xác giảm dần. Vốn từ ngữ của học sinh trở nên phong phú hơn. Khả năng diễn đạt khi nói và viết văn tốt hơn. Nhiều em đã mạnh dạn hơn trong các hoạt động giao tiếp hằng ngày, đọc sách, ứng dụng thực tế một cách linh hoạt. Hơn nữa, khi thực hiện các biện pháp này, đã cực hóa hoạt động của người học, tạo cho học sinh hứng thú học tập hơn. Khả năng nhận diện và sử dụng dấu câu, loại câu của học sinh tốt hơn. Tiết học Luyện từ và câu thực sự hấp dẫn các em, các hoạt động học diễn ra tự nhiên, hiệu quả hơn. Học sinh chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức mới. Các em đã bộc lộ được năng lực của mình trong khi làm các bài tập, chơi trò chơi, giải đố. Qua kết quả khảo sát và số liệu ghi chép tôi thấy tiến bộ rõ rệt.

(MINH CHỨNG KÈM THEO-BẢNG 2)

4. Hiệu quả của sáng kiến.

Đề tài: ***“Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 Chương trình GDPT-2018”*** là nội dung hết sức cần thiết trong thời điểm đổi mới giáo dục hiện nay. Nó có tác dụng tốt trong quá trình dạy học Luyện từ và câu cho học sinh, nâng cao chất lượng Tiếng Việt nói chung. Đồng thời, góp phần quan trọng để các em học tập các môn học khác cũng như phát triển phẩm chất, năng lực của bản thân.

Khi áp dụng các biện pháp vào dạy học đã tạo ra không khí học tập sôi nổi, học sinh hoạt động tích cực và kích thích được khả năng tìm tòi sáng tạo ở các em. Tạo cho các em cơ hội được tìm hiểu về kiến thức thông qua các hình thức tìm kiếm, từ đó giúp cho các em thu được nhiều kết quả như khả năng làm việc độc lập, khả năng giao tiếp, khả năng quan sát thu thập thông tin và tìm hiểu kiến thức mới.

Thứ nhất, hiệu quả về khoa học: Thông qua hoạt động học tập, học sinh được rèn luyện các kỹ năng trao đổi làm việc nhóm; các kỹ năng viết, nói, thuyết trình... Từ đó, các em phát triển năng lực, phẩm chất của bản thân, tự hoàn thiện mình.

Thứ hai, hiệu quả về kinh tế: Giáo viên vận dụng tối đa công nghệ với các hình ảnh, cảnh vật thực, giảm thiểu việc mua bán và phụ thuộc các nguồn tài liệu bên ngoài. Từ đó, nâng cao hiệu quả công việc của giáo viên và giúp học sinh hứng thú, tích cực hơn với môn học.

Thứ ba, hiệu quả về xã hội: Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp chủ yếu của xã hội loài người. Nhờ có ngôn ngữ, con người có khả năng tư duy. Vì vậy học tốt môn Tiếng Việt nói chung và Luyện từ và câu nói riêng, giúp các em tích lũy được nhiều vốn từ, sử dụng từ ngữ phù hợp từ đó hình thành thái độ phù hợp khi giao tiếp ngoài cuộc sống và giải quyết tốt các vấn đề trong xã hội.

5. Tính khả thi của đề tài.

Với kết quả đạt được như trên, điều đó đã khẳng định biện pháp tôi đưa ra có tính khả thi cao và được thực tế kiểm nghiệm. Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh được nâng lên. Các em học sinh đã tích cực chủ động thực hiện học tập, đặc biệt hơn đó là khả năng vận dụng kiến thức trong các tiết học được nâng lên.

Bản thân tôi đã rút ra được kinh nghiệm và nâng cao được năng lực chuyên môn, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong dạy học. Vì vậy, tôi cũng mạnh dạn đưa các biện pháp này trong cuộc họp chuyên môn của tổ và đã được các đồng nghiệp tán thành, áp dụng cùng. Các biện pháp mà tôi đã vận dụng rất dễ thực hiện, áp dụng được cho tất cả những giáo viên đang dạy học môn Tiếng Việt ở lớp 4. Những giải pháp nêu trên là yếu tố không thể thiếu để nâng cao chất lượng dạy học. Tôi mong rằng kinh nghiệm này sẽ được nhân rộng ra ở lớp 4 nói riêng và ở các lớp của bậc Tiểu học nói chung, tạo cho các em có một hành trang đầy tự tin khi bước vào cuộc sống sau này.

6. Thời gian thực hiện đề tài.

Từ ngày 15/9/2023 đến hết ngày 15/04/2024

PHẦN III : KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

* **Đối với giáo viên:** Theo tôi, muốn phát huy tính tích cực của học sinh, mỗi giáo viên cần có những cách làm để gây hứng thú trong giờ học, lôi cuốn các em tích cực tham gia vào hoạt động khám phá. Trong các bài học, cần sử dụng hình ảnh minh họa một cách hiệu quả, phù hợp, gắn với thực tế cuộc sống, giúp các em tiếp thu kiến thức dễ dàng, nhanh chóng. Giáo viên cần bám sát nội dung bài học, đưa ra những câu hỏi gợi mở, kích thích trí tò mò, ham học hỏi, khám phá của học sinh. Ngoài mục đích truyền thụ kiến thức cho học sinh, giáo viên phải linh hoạt lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình. Để làm được điều đó, giáo viên phải là người biết làm chủ kho tàng kiến thức của nhân loại.

* **Đối với nhà trường:** Khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia giao lưu, học tập, tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học giúp giáo viên lựa chọn, vận dụng một cách linh hoạt trong giảng dạy. Tăng cường dự giờ, trao đổi, rút kinh nghiệm kịp thời cho giáo viên trong quá trình thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

* **Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo:** Thường xuyên tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học nhằm tạo điều kiện cho giáo viên các trường học hỏi lẫn nhau về những cách dạy hay để áp dụng vào dạy ở trường mình, lớp mình.

Trên đây là "**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4 Chương trình GDPT-2018**" mà tôi đã đúc rút trong thời gian qua. Trong thực tế giảng dạy, mỗi người đều có những suy nghĩ, kinh nghiệm, bí quyết nghề nghiệp riêng của mình nhằm mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng dạy và học. Có lẽ đề tài của tôi còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Tôi rất mong được sự góp ý chân thành của các lãnh đạo, hội đồng khoa học, đồng nghiệp để kinh nghiệm dạy học của tôi thêm phong phú, hoàn thiện, góp phần nhỏ bé đưa sự nghiệp giáo dục phát triển.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký tên đóng dấu)

Tòng Bạt, ngày 23 tháng 5 năm 2024
Người viết sáng kiến

Cao Thị Hoàn

CÁC MINH CHỨNG

BẢNG 1:

BẢNG ĐIỀU TRA TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

<i>Tổng số</i> <i>HS</i>	HTT		HT		Chưa HT	
	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>
34	10	29,4	22	64,7	2	5,9

BẢNG 2

BẢNG SO SÁNH ĐỐI CHIẾU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

Thời điểm	TS HS	HTT		HT		Chưa HT	
		<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>
Đầu năm	34	10	29,4	22	64,7	2	5,9
Giữa học kì II	34	20	58,8	14	41,2	0	0

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	2
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến	2
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu	3
PHẦN II : NỘI DUNG CỦA ĐỀ TÀI	4
1. Hiện trạng của vấn đề	4
2. Giải pháp thực hiện	5
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị.	18
4. Hiệu quả của đề tài sáng kiến.	18
5. Tính khả thi của đề tài.	19
6. Thời gian thực hiện của đề tài.	19
PHẦN III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	20

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NXB Giáo dục Việt Nam - Sách Tiếng Việt lớp 4 – tập 1, 2 (bộ Kết nối tri thức và cuộc sống).
2. NXB Giáo dục Việt Nam - Sách Giáo viên Tiếng Việt lớp 4 – tập 1, 2 (bộ Kết nối tri thức và cuộc sống).
3. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội - Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh.
4. NXB Đại học Sư phạm - Giáo trình Tâm lí học Tiểu học.
5. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội - Dạy học tích cực Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học.